TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-PT
Ngày 24-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang

Các Thẩm phán: ông Đặng Văn Quyết và bà Nguyễn Thị Hương Giang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà***:*** bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên .

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLPT- DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS – ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1958 và bà Thân Thị Th, sinh năm 1962 (đều có mặt);

Đều cùng địa chỉ: Số nhà 87, TDP H, TT Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: ông Ngô Xuân Tr, sinh năm 1951 và bà Mạc Thị Đ, sinh năm 1952 (đều vắng mặt).

Đều địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tr là ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 512, đường L, phường H, TP. B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Ngô Xuân Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - ông Kh, bà Th trình bày: vợ chồng ông Kh, bà Th và vợ chồng ông Tr, bà Đ có quan hệ quen biết xã hội, do ông Tr làm ăn kinh tế và đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, khi vay ông Tr có viết giấy vay tiền ngày 04/3/2014 cả ông Tr và bà Đ (vợ ông Tr) đều ký với số tiền vay 1.508.000.000 đồng, hẹn tháng

7/2014 sẽ trả 250.000.000 đồng, số còn lại thanh toán sau nhưng khi đến hạn trả nợ, ông Tr không trả được cho ông bà số tiền nào. Do ông Tr không trả được như đã hẹn nên đến ngày 02/11/2019 (dương lịch) ông Tr lại khất nợ và viết giấy cam kết vay nợ và trả nợ có nội dung giống như giấy vay ngày 04/3/2014, thể hiện ông Tr nhận nợ được chuyển từ giấy vay ngày 04/3/2014 với số tiền nợ là 1.508.000.000 đồng, có hẹn đến tháng 6/2020 trả 500.000.000 đồng, số còn lại trả trong năm 2020. ông Tr tự tay viết và ký vào mục người cam kết. Giữa các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất là trả lãi 3%/tháng. Tuy nhiên đã đến hạn và kể từ ngày vay cho đến nay ông Tr, bà Đ vẫn chưa trả đồng nào số tiền nợ gốc và tiền lãi. Ngày 17/10/2022 ông, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà Đ phải trả nợ gốc 1.508.000.000 đồng và lãi 3%/tháng từ 04/3/2014 đến ngày 17/10/2022 là 4.795.440.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 6.303.440.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Kh, bà Th yêu cầu ông Tr, bà Đ trả số tiền nợ gốc là 1.508.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất quy định là 0,83%/tháng tính từ khi vay là ngày 04/3/2014 đến hết tháng 3 với số tiền tạm tính là 1.351.771 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất theo quy định là 2.859.771.000 đồng.

Bị đơn - ông Ngô Xuân Tr, bà Mạc Thị Đ và đại diện theo ủy quyền của ông Tr là ông Nguyễn Đức T trình bày: giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Kh, bà Th có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng tháng 04/2012, do cần tiền để làm ăn kinh doanh nên vợ chồng ông Tr có đặt vấn đề hỏi vay số tiền 600.000.000 đồng của ông Kh, bà Th hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm. Tiếp sau đó trong khoảng từ tháng 4/2012 đến ngày 04/03/2014 vợ chồng ông Tr có vay thêm 02 lần tiền mỗi lần số tiền vay là 150.000.000 đồng của vợ chồng ông Kh, bà Th, ông không nhớ cụ thể ngày tháng của 02 lần vay tiền sau. Tổng của cả 03 lần vay tiền khoảng trên dưới 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất là vay 10%/năm (0,83%/tháng), chứ không phải mức lãi suất 3%/tháng (36%/năm) như vợ chồng ông Kh, bà Th trình bày. Số tiền lãi mà ông Tr đã trả thì còn lại số tiền là 1.508.000.000 đồng (trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 508.000.000 đồng tiền lãi). Ngày 04/3/2014, vợ chồng ông Kh, bà Th có yêu cầu ông, bà chốt nợ cả gốc và lãi tại giấy vay tiền là 1.508.000.000 đồng, ông đã được xem giấy cam kết trả nợ đúng là chữ viết và chữ ký của ông là đúng. Vợ chồng ông có hẹn đến tháng 07/2014 sẽ trả 250.000.000 đồng nhưng vẫn không trả được. Tiếp theo đến ngày 02/11/2019, ông lại viết tiếp giấy cam kết về việc vay nợ và trả nợ, theo đó ông hẹn đến tháng 06/2020 sẽ trả cho vợ chồng ông Kh, bà Th số tiền là 500.000.000 đồng. Do gia đình ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên không trả đúng hạn được. Nay ông, bà xác nhận có nợ vợ chồng ông Kh, bà Th số tiền là 1.000.000.000 đồng nợ gốc, ông bà đồng ý trả số tiền nợ này và số tiền lãi suất là 10%/năm của số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 04/3/2014 đến ngày 04/12/2022 là 105 tháng x 830.000 đồng = 871.500.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.871.500.000 đồng. Nhưng

do ông đã về hưu, làm ăn kinh tế khó khăn nên đề nghị cho trả nợ dần cụ thể trong thời hạn 05 năm sẽ trả hết cả gốc và lãi cho ông Kh, bà Th. Mỗi năm trả số tiền là 250.000.000 đồng cho đến năm 2028 trả hết nợ. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì lãi suất như vậy là quá cao không đúng với thỏa thuận giữa hai bên và quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Đức T trình bày: về số tiền nợ ông Tr xác nhận ông Tr, bà Đ có vay tiền ông Kh, bà Th số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng nhưng ông không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện về số tiền 1.000.000.000 đồng vì không giữ giấy tờ nào. Nay ông đại diện theo ủy quyền của ông Tr đồng ý trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, ông không đồng ý trả số tiền 1.508.000.000 đồng. Về tiền lãi suất ông đề nghị tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thời điểm tính lãi xác định từ khoảng tháng 4/2012 tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng của giấy vay nào thì ông không biết.

Với nội dung trên, bản án dân sự số 12/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Th đối với ông Tr, bà Đ. Buộc ông Ngô Xuân Tr, bà Mạc Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Kh, bà Thân Thị Th số tiền là 2.865.612.100 đồng (hai tỷ, tám trăm, sáu năm triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm đồng), (trong đó nợ gốc là 1.508.000.000 đồng và tiền lãi suất là 1.357.612.100 đồng).

2. Đình chỉ phần yêu cầu về số tiền lãi suất theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 của ông Kh, bà Th đối với số tiền 3.437.827.900 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2023, bị đơn - ông Ngô Xuân Tr làm đơn kháng bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận trả 1.000.000.000 đồng cho ông Kh, bà Th. Ông Tr, bà Đ không phải chịu tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Xuân Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm trong phần thủ tục hỏi, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó ông Tr, bà Đ có nghĩa vụ trả ông Kh, bà Th số tiền gốc là 1.010.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười triệu đồng) và tiền lãi theo mức 10%/năm từ ngày 22/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 làm tròn là 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi tính

đến ngày 18/4/2023 ông Tr, bà Đ phải thanh toán trả ông Kh, bà Th là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một triệu đồng chẵn). Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm ông Tr, bà Đ, ông Kh, bà Th được miễn toàn bộ do là người cao tuổi.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS, các đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền nghĩa vụ. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Tr, xét tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ bội dung vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của BLTTDS, công nhân sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung và kháng cáo của ông Tr, HĐXX thấy:

[1.1]. Căn các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định: các đương sự đều thừa nhận có việc ông Tr, bà Đ vay tiền của ông Kh, bà Th. Số tiền vay theo ông Kh, bà Th trình bày là: 1.508.000.000 đồng, vay từ ngày 04/3/2014 với lãi suất là 3%/tháng. Ông Tr, bà Điên trình bày số tiền vay là khoảng 1.000.000.000 đồng qua 3 lần vay, mỗi lần vay đều lập biên bản nhưng nay ông, bà không còn giữ được giấy tờ vay. Đến ngày 04/3/2013, ông, bà còn nợ ông Kh, bà Th 1.000.000.000 đồng và 508.000.000 tiền lãi nên ông bà viết giấy vay tiền cho ông bà Khôi, Thúy là 1.508.000.000 đồng.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần thủ tục hỏi, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó ông Nguyễn Văn Kh, bà Thân Thị Th và ông Nguyễn Văn Tr, bà Mạc Thị Đ thỏa thuận ông Nguyễn VănTrường, bà Mạc Thị Đ có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn Kh, bà Thân Thị Th số tiền gốc đã vay là 1.010.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười triệu đồng) và tiền lãi theo mức 10%/năm từ ngày 22/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 làm tròn là 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 18/4/2023 ông Tr, bà Đ phải trả ông Kh, bà Th là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một triệu đồng chẵn).

Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận. Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm số 12/2023/DS – ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Tr, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Tr, bà Đ, ông Kh, bà Th là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Kh, bà Thân Thị Th và ông Nguyễn VănTrường, bà Mạc Thị Đ. Theo đó, ông Nguyễn Văn Tr, bà Mạc Thị Đ có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn Kh, bà Thân Thị Th số tiền gốc đã vay là 1.010.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười triệu đồng) và tiền lãi theo mức 10%/năm từ ngày 22/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 làm tròn là 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 18/4/2023 ông Tr, bà Đ phải trả ông Kh, bà Th là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một triệu đồng chẵn).

2. Về án phí: ông Tr, bà Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; ông Tr, bà Đ, ông Kh, bà Th được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện Yên Thế;
-Chi cục THADS huyện Yên Thế;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang